

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng 5 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 243/TTr-TNMT ngày 22/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Gigalane Vina, địa chỉ trụ sở chính tại Một phần lô CN-09, Khu công nghiệp Vân Trung, phường Vân Trung, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Dự án nhà máy Gigalane Vina” tại Một phần lô CN-09, KCN Vân Trung, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Dự án nhà máy Gigalane Vina.

1.2. Chủ cơ sở: Công ty TNHH Gigalane Vina.

1.3. Địa điểm hoạt động: Một phần lô CN-09, KCN Vân Trung, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 2400857949 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 30/01/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 25/10/2021.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 9871686337 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp, chứng nhận lần đầu ngày 28/01/2019, chứng nhận thay đổi lần thứ ba ngày 11/10/2021.

1.4. Mã số thuế: 2400857949.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công dây cáp (RF Cable), thiết bị kết nối (Network connect), Ăng ten (Antenna) dùng cho điện thoại di động và các thiết bị điện tử khác; sản xuất gia công, máy móc thiết bị tự động; thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) các mặt hàng có mã HS: 8536, 8544, 8517, 3926, 3921, 4819; đăng ký xuất khẩu 100% sản phẩm và được áp dụng các quy định đối với doanh nghiệp chế xuất.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Cơ sở được thực hiện tại một phần lô CN-09, KCN Vân Trung, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với diện tích sử dụng đất: 9.780,9 m².

- Quy mô, công suất của cơ sở:

+ Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất lớn.

+ Sản xuất, gia công dây cáp (RF Cable): Khoảng 86.400.000 sản phẩm/năm.

+ Thiết bị kết nối mạng (Network connect): Khoảng 20.000.000 sản phẩm/năm.

+ Ăng ten (Antenna): Khoảng 300.000 sản phẩm/năm.

+ Sản xuất, gia công máy móc, thiết bị tự động: Khoảng 840 sản phẩm/năm.

+ Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) các mặt hàng có mã HS: 8536, 8544, 8517, 3926, 3921, 4819 với doanh thu khoảng 2 triệu USD/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Gigalane Vina được cấp Giấy phép môi trường.

1. Công ty TNHH Gigalane Vina có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Gigalane Vina có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND thị xã Việt Yên, chủ đầu tư hạ tầng KCN Vân Trung nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND thị xã Việt Yên.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 05/6/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Dự án nhà máy Gigalane Vina” tại một phần lô CN-09, Khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang do Công ty TNHH Gigalane Vina làm Chủ đầu tư và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, UBND thị xã Việt Yên, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Dự án nhà máy Gigalane Vina” tại một phần lô CN-09, KCN Vân Trung, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang của Công ty TNHH Gigalane Vina được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Đoàn kiểm tra cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 242/QĐ-TNMT ngày 28/3/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty TNHH Gigalane Vina được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở đối với các nội dung, yêu cầu tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Sở Công thương, Sở Khoa học và Công nghệ; UBND thị xã Việt Yên; UBND phường Vân Trung; Công ty TNHH Fugiang; Công ty TNHH Gigalane Vina và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Chủ dự án (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, KTN.Việt Anh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Ô Pích

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Cơ sở không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, do:

Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh của cơ sở được thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m³/ngày đêm của cơ sở đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, sau đó được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Vân Trung, thị xã Việt Yên do Công ty TNHH Fugiang (chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp) xây dựng và quản lý vận hành để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (Theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ xử lý nước thải số 058-GIGALANE-NT/HDXLNT-VT/2020 ngày 05/8/2020 giữa Công ty TNHH Fugiang và Công ty TNHH Gigalane Vina), sau đó xả ra nguồn tiếp nhận.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn của mỗi khu (03 bể), sau đó cùng nước thải nhà bếp sau khi xử lý qua bể tách dầu mỡ theo đường ống nhánh PVC D150 - D200 dài khoảng 81m vào ống chính PVC D250 với chiều dài 22m dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của cơ sở công suất 30m³/ngày đêm để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B. Nước thải sau xử lý theo đường ống uPVC D110 dài 4m đầu nối với hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Vân Trung qua 01 điểm đầu nối (Biên bản thỏa thuận điểm đầu nối nước thải ngày 13/3/2019 giữa Công ty TNHH Fugiang và Công ty TNHH Gigalane Vina), sau đó nước thải được đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Vân Trung để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt (sau khi xử lý sơ bộ) → Bể điều hòa → Bể thiếu khí (Anoxic) → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Vân Trung, thị xã Việt Yên.

- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ AO.
- Công suất thiết kế: 30 m³/ngày đêm.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Methanol: 1,5kg/ngày; Clorin: 0,3kg/ngày; Mật rỉ đường: 1,5kg/ngày;

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố công trình xử lý nước thải

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật, có nhật ký vận hành, hàng ngày ghi chép đầy đủ các thông số vận hành như: Lượng hóa chất sử dụng, tình trạng hoạt động của các thiết bị để có những khắc phục, sửa chữa và thay thế kịp thời khi có sự cố. Trong nhật ký phải ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền.

- Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý phải được tập huấn, đào tạo, nâng cao chuyên môn, thao tác đúng cách để hạn chế những sai sót có thể gây ra sự cố, luôn có mặt tại vị trí khi vận hành.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao (như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...) để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Vệ sinh đường cống thoát nước thải, tránh ùn tắc, ứ đọng chất thải rắn trong đường cống dẫn nước thải.

- Giám sát lưu lượng nước thải thường xuyên, liên tục để kịp thời điều chỉnh không để xảy ra quá tải, giảm hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý môi trường địa phương trong việc thanh kiểm tra, quan trắc và giám sát chất lượng nước, chất lượng môi trường.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố công trình xử lý nước thải

- Khi có sự cố xảy ra nhanh chóng tìm hiểu nguyên nhân sự cố và khắc phục kịp thời không để nước thải chưa xử lý vượt quy chuẩn xả thải ra hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Vân Trung; tạm dừng hoạt động phát sinh nước thải đến khi khắc phục xong mới tiếp tục hoạt động trở lại.

- Dừng hoạt động hệ thống xử lý nước thải để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý. Báo cáo đơn vị chủ kinh doanh quản lý hạ tầng KCN Vân Trung khi xảy ra sự cố dẫn đến nước thải sau xử lý không đạt chuẩn theo yêu cầu của KCN Vân Trung hoặc không đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B.

- Trường hợp mạng lưới điện trong khu vực bị mất phải cho vận hành ngay máy phát điện dự phòng để kịp thời đưa hệ thống xử lý nước thải vận hành trở lại.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị, máy móc của trạm xử lý nước thải và phải dừng hoạt động của hệ thống xử lý này để khắc phục sự cố, thời gian sửa chữa kéo dài vượt quá khả năng lưu chứa tại các bể của hệ thống xử lý, Chủ cơ sở thực hiện thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải của bể và mang đi xử lý theo quy định.

- Nước thải qua hệ thống xử lý nước thải được đánh giá có thể gặp các sự cố như: một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

+ Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể chứa nước thải sau xử lý, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

+ Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra hiệu quả lắng của bể lắng.

+ Tương tự đối với từng thông số khác sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, Chủ cơ sở liên hệ ngay với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống xử lý để khắc phục, xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 6/2024 ÷ 8/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 30m³/ngày đêm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại vị trí đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 30m³/ngày đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này):

2.3. Tần suất lấy mẫu

TT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
I	Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất			
1	01 vị trí nước thải đầu vào (tại bể điều hòa)	pH, COD, BOD ₅ , Tổng Chất rắn lơ lửng (TSS), Sunfua, tổng Nitơ, Amoni (tính theo N),	- Tiến hành lấy mẫu tổ hợp 15 ngày/lần trong 75 ngày. Thời gian cụ thể như sau: + Lần 1: Ngày 10/6/2024 + Lần 2: Ngày 25/6/2024 + Lần 3: Ngày	QCVN 40:2011/ BTNMT, cột B
2	01 vị trí nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt			

	công suất 30m ³ /ngày đêm, trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Vân Trung.	tổng dầu mỡ khoáng, tổng phốt pho (tính theo P), Coliform.	10/7/2024 + Lần 4: Ngày 25/7/2024 + Lần 5: Ngày 10/8/2024	
II	Giai đoạn vận hành ổn định			
	01 vị trí nước thải đầu vào (tại bể điều hoà)	pH, COD, BOD ₅ , Tổng Chất rắn lơ lửng (TSS), Sunfua, tổng Nitơ, Amoni (tính theo N), tổng dầu mỡ khoáng, tổng phốt pho (tính theo P), Coliform.	- Lấy mẫu đơn với tần suất 01 ngày/lần; lấy 7 ngày liên tiếp. Thời gian cụ thể như sau: + Lần 1: Ngày 11/8/2024 + Lần 2: Ngày 12/8/2024 + Lần 3: Ngày 13/8/2024 + Lần 4: Ngày 14/8/2024 + Lần 5: Ngày 15/8/2024 + Lần 6: Ngày 16/8/2024 + Lần 7: Ngày 17/8/2024	QCVN 40:2011/ BTNMT , cột B
	01 vị trí nước thải sau xử lý qua hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 30m ³ /ngày đêm, trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Vân Trung.			

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Vân Trung, thị xã Việt Yên. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung thông tin theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các KCN tỉnh, UBND thị xã Việt Yên, chủ đầu tư hạ tầng KCN Vân Trung để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: Cơ sở có 08 nguồn khí thải phát sinh từ hoạt động của 08 máy hàn thiếc.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: Có 01 dòng khí thải tại ống thoát khí sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải công đoạn hàn thiếc

2.1. Vị trí xả khí thải

- Vị trí: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải công đoạn hàn thiếc

- Toạ độ vị trí xả khí thải (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiếu 3^0): X=2349621; Y=410340.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: Tổng lưu lượng xả thải lớn nhất của nguồn thải là $4.500 \text{ m}^3/\text{giờ}$, tương đương $108.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (thời gian làm việc $24 \text{ giờ}/\text{ngày}$).

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục trong thời gian làm việc của cơ sở.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (QCVN 20:2009/BTNMT), cụ thể như sau:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 19: 2009/BTNMT (cột B)	QCVN 20: 2009/BTNMT	
1	Nhiệt độ	°C	-	-	Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ theo quy định tại khoản
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	200		
3	CO	mg/Nm ³	1000		
4	NO ₂	mg/Nm ³	850		
5	SO ₂	mg/Nm ³	500		

6	Sn	mg/Nm ³	-	-	2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ- CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
7	Benzen	mg/Nm ³		5	
8	Toluen	mg/Nm ³		750	
9	Xylen	mg/Nm ³		870	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý.

Tại mỗi máy hàn (08 máy hàn) lắp đặt 01 ống hút khí có đường kính 5cm, miệng ống hút có đường kính 15cm bằng chất liệu nhựa về bộ lọc khí sau đó theo 01 ống nhánh dài 3m chất liệu bằng nhựa được quấn giấy bạc để dẫn về đường ống thu gom chính có chiều dài 45m (đường kính 30cm, chất liệu tôn), vào hệ thống xử lý khí thải tập trung được hấp phụ bằng than hoạt tính (khí thải được hút bằng quạt hút công suất 3kw, lưu lượng hút 4.500m³/giờ), khí thải sau xử lý qua ống khói cao 10m được thải ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

* Hệ thống xử lý khí thải công đoạn hàn thiếc.

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý khí thải như sau:

Khí thải từ các đầu máy hàn → chụp hút → bộ lọc khói hàn → Ống dẫn khí → Hệ thống xử lý khí thải (hấp phụ bằng than hoạt tính) → Ống thoát khí thải. Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thoát ra môi trường.

- Công suất: 4.500 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng cho hệ thống xử lý: Than hoạt tính 20 kg/năm;

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố môi trường.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn khí, quạt hút... trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn, đồng thời dừng hoạt động tại các điểm có sự cố và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của nhân viên cơ điện và nhân viên phụ trách

vận hành hệ thống xử lý khí thải tại cơ sở, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

- Có nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Định kỳ 03 tháng/lần kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải để phát hiện hỏng hóc và sửa chữa kịp thời.

- Có nhật ký ghi chép quá trình theo dõi, giám sát vận hành, các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố môi trường

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại nhà máy, đồng thời dừng hoạt động, liên hệ đơn vị thi công lắp đặt, sửa chữa bảo dưỡng chuyên môn để khắc phục và đồng thời báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 6/2024 ÷ 8/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải công đoạn hàn thiếc.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải công đoạn hàn thiếc.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm của dòng thải (theo nội dung được cấp phép tại phần A phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu

TT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
I	Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất			
1	01 vị trí tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải công đoạn hàn thiếc	Nhiệt độ, Bụi, CO, NO ₂ , SO ₂ , Sn, Benzen, Toluen, Xylen	- Tiến hành lấy mẫu tổ hợp 15 ngày/lần trong 75 ngày. Thời gian cụ thể như sau: + Lần 1: Ngày 10/6/2024 + Lần 2: Ngày 25/6/2024 + Lần 3: Ngày 10/7/2024 + Lần 4: Ngày 25/7/2024 + Lần 5: Ngày 10/8/2024	QCVN 19:2009/B TNMT, cột B và QCVN 20:2009/B TNMT

II	Giai đoạn vận hành ổn định			
1	01 vị trí tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải công đoạn hàn thiếc	Nhiệt độ, Bụi, CO, NO ₂ , SO ₂ , Sn, Benzen, Toluen, Xylen	<ul style="list-style-type: none"> - Lấy mẫu đơn với tần suất 01 ngày/lần; lấy 7 ngày liên tiếp Thời gian cụ thể như sau: + Lần 1: Ngày 11/8/2024 + Lần 2: Ngày 12/8/2024 + Lần 3: Ngày 13/8/2024 + Lần 4: Ngày 14/8/2024 + Lần 5: Ngày 15/8/2024 + Lần 6: Ngày 16/8/2024 + Lần 7: Ngày 17/8/2024 	QCVN 19:2009/B TNMT, cột B và QCVN 20:2009/B TNMT:

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND thị xã Việt Yên xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Việt Yên để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /5/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Có 02 nguồn phát sinh tiếng ồn.

+ Nguồn số 01: Phát sinh từ hoạt động của máy cắt hàn tự động.

+ Nguồn số 02: Phát sinh từ khu vực máy nén khí

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiếu 3⁰):

+ Vị trí số 01: Phát sinh từ hoạt động của máy cắt hàn tự động.

Tọa độ X=2349599; Y=410324.

+ Vị trí số 02: phát sinh từ khu vực máy nén khí.

Tọa độ X=2349579; Y=410346

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Công ty lắp đặt các thiết bị tiên tiến, hiện đại, có độ ồn, rung thấp.

- Các thiết bị có công suất lớn được lắp đặt đệm chống ồn, rung.
- Bảo dưỡng máy móc và thay dầu định kỳ.
- Nhà xưởng thông thoáng, lắp đặt hệ thống quạt thông gió, tạo không gian rộng rãi, giảm khả năng vang vọng tiếng ồn.
- Trang bị cho công nhân thiết bị chống ồn khi làm việc tại các công đoạn có phát sinh tiếng ồn cao (nút bịt tai,...).
- Trồng cây xanh xung quanh nhà máy, vừa tăng cường cảnh quan cho Nhà máy vừa giúp giảm phát tán tiếng ồn ra môi trường xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này và các quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /5/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Chất thải rắn nguy hại	Đơn vị	Khối lượng	Mã CTNH
1	Giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ	Kg/năm	15	18 02 01
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Kg/năm	4	16 01 06
3	Hộp mực in thải	Kg/năm	5	08 02 08
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại có chứa TPNH (Thùng đựng dầu, hộp đựng kem hàn thải...)	Kg/năm	45	18 01 02
5	Dầu thải từ máy nén khí	lít/năm	40	17 03 03
6	Than hoạt tính thải từ quá trình xử lý khí thải	Kg/năm	20	12 01 04
	Tổng	Kg/năm	129	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì carton, nilong, giấy vụn phòng	360
2	Sản phẩm lỗi hỏng, cắt dây cáp...(Chiếm khoảng 0,1% khối lượng đầu vào)	480
	Tổng cộng:	840

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 90 kg/ngày, thành phần chủ yếu là bao bì, hộp đựng thức ăn, đồ uống bằng nilon, nhựa, thủy tinh..., ngoài ra còn có bùn từ bể tự hoại và bùn từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng: 24m³/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 06 thùng chứa có dung tích từ 60 - 120 lít/thùng có nắp đậy, để thu gom, lưu chứa riêng biệt các loại chất thải nguy hại (CTNH), bên ngoài thùng chứa có dán mã CTNH, kí hiệu và tên từng loại CTNH theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà xưởng

- Diện tích kho chứa: 20m², bố trí bên ngoài nhà xưởng.
- Thiết kế cấu tạo: kho được xây tường gạch, trần bê tông xi măng, nền láng xi măng, có cửa ra vào, dán biển báo theo quy định, ngoài cửa kho chứa có biển cảnh báo nguy hại.
- Chủ cơ sở ký hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển mang đi xử lý theo quy định (tần suất 1-2 lần/tháng).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Trang bị 15 thùng chứa chất thải có dung tích 25 lít/thùng tại từng vị trí sản xuất, ngay tại vị trí làm việc của mỗi công nhân để thu gom.

2.2.2. Kho /khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho chứa: 20 m², bố trí bên ngoài nhà xưởng.
- Thiết kế, cấu tạo: xây tường gạch, trần bê tông xi măng, nền láng xi măng, có cửa ra vào, dán biển báo theo quy định.
- Chủ cơ sở ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất 1-2 lần/tháng).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

+ Khu vực vệ sinh: Bố trí 03 thùng loại dung tích 10 lít/thùng đậy có nắp đậy ở những vị trí thuận tiện, dễ thấy..

+ Khu vực nhà ăn: Bố trí 6 thùng rác có dung tích 60 lít/thùng để thu gom lượng; thức ăn thừa từ khu vực nhà bếp được thu gom vào 2 thùng nhựa có nắp đậy với dung tích 250 lít/thùng, sau đó nhà thầu cung cấp suất ăn công nghiệp có trách nhiệm vận chuyển, xử lý đúng quy định.

+ Chất thải rắn từ các hoạt động văn phòng như giấy vụn và các hộp bìa cát tông được chủ cơ sở bố trí 6 thùng đựng có dung tích 20 lít/thùng ở vị trí các bàn làm việc; 02 thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy, dung tích 200lit/thùng tại khu vực kho chứa chất thải.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho chứa: diện tích 20 m², bố trí bên ngoài nhà xưởng.

- Thiết kế, cấu tạo: tường gạch, trần bê tông xi măng, nền láng xi măng, có cửa ra vào, dán biển báo theo quy định.

- Chủ cơ sở ký hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, vận chuyên để xử lý theo quy định (tần suất hàng ngày). Riêng cặn bùn tại các bể tự hoại và hệ thống xử lý nước thải được ký hợp đồng với đơn vị có chức năng hút bùn mang đi xử lý (tần suất 1 năm/lần).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải và hệ thống xử lý khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải và hệ thống xử lý khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động nhà máy khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /5/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Công ty TNHH GIGALANE VINA có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình vận hành cơ sở. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện của cơ sở.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình hoạt động cơ sở; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Thực hiện thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh đưa về hệ thống xử lý nước thải của cơ sở đảm bảo xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) trước khi đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý tập trung của khu công nghiệp; đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải để thu gom, xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của cơ sở đảm bảo khí thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của cơ sở với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND thị xã Việt Yên trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 243/TTr-TNMT ngày 22/5/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở.